

12/8.
BỘ TÀI CHÍNH

Số: 82/2007/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 2007

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn chế độ quản lý tài chính nhà nước đối với
viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước**

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6/6/2003 của Chính phủ ban hành Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 9/11/2006 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA);

Căn cứ Quyết định số 64/2001/QĐ-TTg ngày 26/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 1/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài (sau đây gọi tắt là viện trợ nước ngoài) thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước như sau:

Phần I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

I. Phạm vi áp dụng:

1. Thông tư này hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với viện trợ nước ngoài thuộc nguồn thu của ngân sách nhà nước, bao gồm:

1.1 Viện trợ nước ngoài thuộc nguồn thu của ngân sách trung ương:

1.1.1 Viện trợ của nước ngoài (các chính phủ nước ngoài, các tổ chức quốc tế, tổ chức liên quốc gia...) cho Nhà nước hoặc Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong khuôn khổ các hoạt động hợp tác hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) giữa Việt Nam với Nhà tài trợ nước ngoài (sau đây gọi tắt là ODA không hoàn lại).

1.1.2 Viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, các tổ chức khác và cá nhân người nước ngoài, trực tiếp hoặc thông qua các tổ chức phi chính phủ

của Việt Nam, cho các cơ quan dưới đây và thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của các tổ chức nhân dân (quy định tại điều 6 điểm 1 và 2 Quyết định số 64/2001/QĐ-TTg ngày 26/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài):

(a) các cơ quan của Chính phủ (các Bộ, các cơ quan ngang Bộ, các cơ quan trực thuộc Chính phủ);

(b) các cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

(c) Quốc hội, Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;

(d) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

(đ) các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc các cơ quan nói trên;

1.2 Viện trợ thuộc nguồn thu của ngân sách địa phương, bao gồm:

1.2.1 Viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, các tổ chức khác và cá nhân người nước ngoài, trực tiếp hoặc thông qua các tổ chức phi chính phủ Việt Nam, cho các địa phương và thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (quy định tại điều 6 điểm 2 Quyết định số 64/2001/QĐ-TTg ngày 26/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài).

1.2.2 Các khoản viện trợ trong khuôn khổ hợp tác song phương giữa địa phương trong nước và địa phương nước ngoài.

2. Các khoản viện trợ của các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức khác và cá nhân người nước ngoài trực tiếp cho và thuộc thẩm quyền phê duyệt của các tổ chức ngoài nhà nước của Việt Nam (bao gồm các tổ chức Liên hiệp Hội, Tổng hội, Hội, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các quỹ xã hội, quỹ từ thiện, các tổ chức pháp nhân do Liên hiệp Hội, Tổng hội, Hội lập ra...), là nguồn thu của các tổ chức ngoài nhà nước nói trên, không thuộc nguồn thu của ngân sách nhà nước và không thuộc phạm vi hướng dẫn của Thông tư này.

II. Đối tượng áp dụng:

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan trung ương của Nhà nước hoặc Chính phủ nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ; Quốc hội, Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao); Ủy ban nhân dân các địa phương; các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các đơn vị, tổ chức thuộc và trực thuộc các cơ quan nói trên.

III. Các hình thức viện trợ không hoàn lại:

1. Viện trợ không hoàn lại bằng hiện vật:

1.1 Viện trợ không hoàn lại bằng hiện vật bao gồm:

a) Các công trình xây dựng cơ bản thực hiện theo hình thức “chìa khoá trao tay” (kể cả rừng cây lâu năm) trong khuôn khổ các chương trình, dự án viện trợ nước ngoài;

b) Trang thiết bị, máy móc, vật tư, nguyên liệu, đồ dùng và các loại hàng hoá.

1.2 Viện trợ không hoàn lại bằng hiện vật có thể được cung cấp theo các chương trình, dự án cụ thể hoặc viện trợ phi dự án (viện trợ lẻ, viện trợ nhân đạo, cứu trợ khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh...).

2. Viện trợ không hoàn lại bằng tiền:

2.1 Viện trợ không hoàn lại bằng tiền là viện trợ trực tiếp bằng tiền hoặc các khoản viện trợ bằng hàng được tiền tệ hoá. Viện trợ không hoàn lại bằng tiền có thể là ngoại tệ hoặc tiền đồng Việt Nam, bằng tiền mặt hay chuyển khoản.

2.2 Viện trợ không hoàn lại bằng tiền có thể sử dụng để thực hiện các chương trình, dự án cụ thể, hoặc được chuyển trực tiếp vào ngân sách của Chính phủ Việt Nam theo phương thức hỗ trợ ngân sách để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia hoặc chương trình phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ Việt Nam.

3. Viện trợ không hoàn lại phi vật chất:

Viện trợ không hoàn lại phi vật chất là việc phía nước ngoài chuyển giao không thu tiền đối với các tài sản thuộc sở hữu trí tuệ (quyền tác giả, quyền sở hữu tác phẩm, quyền sở hữu công nghiệp, chuyển giao công nghệ...); hoặc phía nước ngoài thanh toán các chi phí đào tạo, tham quan, khảo sát, hội thảo, chuyên gia...từ nguồn kinh phí viện trợ nước ngoài do họ trực tiếp quản lý và chi tiêu.

IV. Nội dung quản lý tài chính nhà nước:

1. Tất cả các chủ chương trình, dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại thuộc đối tượng và phạm vi áp dụng của Thông tư này phải chấp hành chế độ quản lý tài chính nhà nước.

Trường hợp trong các Điều ước quốc tế về viện trợ nước ngoài ký kết giữa Chính phủ Việt Nam và Nhà tài trợ có các cam kết về chế độ quản lý tài chính khác với các quy định và hướng dẫn tại Thông tư này, thì thực hiện theo các cam kết của Chính phủ Việt Nam tại các Điều ước quốc tế đó.

2. Nội dung quản lý tài chính nhà nước bao gồm:

2.1 Lập và tổng hợp dự toán thu - chi ngân sách nhà nước về chương trình, dự án sử dụng nguồn viện trợ không hoàn lại;

2.2 Xác nhận viện trợ;

2.3 Chế độ kiểm soát chi và hạch toán ngân sách nhà nước nguồn viện trợ không hoàn lại;

2.4 Chế độ mua sắm và định mức chi tiêu của chương trình, dự án viện trợ không hoàn lại;

2.5 Chế độ báo cáo, kế toán, kiểm toán và quyết toán viện trợ không hoàn lại;

2.6 Chế độ quản lý vốn và tài sản hình thành từ nguồn viện trợ không hoàn lại.

V. Cơ quan chủ quản dự án và Chủ dự án/Đơn vị sử dụng viện trợ:

1. Cơ quan chủ quản dự án: là các Bộ, các cơ quan ngang Bộ, các cơ quan trực thuộc Chính phủ, các cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các cơ quan trực thuộc Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được Chính phủ giao quản lý các chương trình, dự án viện trợ nước ngoài.

2. Chủ dự án: là đơn vị được Thủ tướng Chính phủ hoặc các Cơ quan chủ quản dự án giao trách nhiệm trực tiếp quản lý, sử dụng vốn viện trợ nước ngoài và vốn đối ứng để thực hiện các chương trình, dự án theo nội dung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và trách nhiệm quản lý, sử dụng công trình sau khi chương trình, dự án viện trợ nước ngoài kết thúc.

Tuỳ theo quy mô và đặc điểm của chương trình, dự án cụ thể, Cơ quan chủ quản dự án (đối với chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật) hoặc Chủ dự án (đối với chương trình, dự án đầu tư) có thể thành lập Ban quản lý dự án để giúp các cơ quan này thực hiện các công việc chuyên môn, bao gồm cả các công việc như kê khai xác nhận viện trợ, mua sắm và chi tiêu, kế toán, kiểm toán, quyết toán và báo cáo quy định tại Thông tư này. Trong trường hợp này, Cơ quan chủ quản dự án hoặc Chủ dự án cần có văn bản uỷ nhiệm chính thức hoặc ký hợp đồng giao việc với Ban quản lý dự án và gửi văn bản này cho cơ quan tài chính đồng cấp để hướng dẫn và thực hiện chế độ quản lý tài chính đối với Ban quản lý dự án.

3. Đơn vị sử dụng viện trợ:

3.1 Đối với các dự án viện trợ riêng rẽ: Đơn vị sử dụng viện trợ cũng là Chủ dự án.

3.2 Đối với phương thức viện trợ tiếp cận theo chương trình quốc gia hoặc chương trình ngành: Chủ dự án là một đơn vị thuộc một cơ quan của Chính phủ

đứng ra làm chức năng đầu mối thực hiện chương trình, còn Đơn vị sử dụng viện trợ có thể thuộc cơ quan khác của Chính phủ, hoặc thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố. Trong trường hợp này, cụm từ kép **Chủ dự án/Đơn vị sử dụng viện trợ** sử dụng trong Thông tư này dùng để chỉ một trong hai, hoặc cả hai đơn vị, tổ chức trên.

VI. Phân định trách nhiệm quản lý tài chính nhà nước đối với các khoản viện trợ nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước:

1. Trách nhiệm của cơ quan tài chính:

1.1 Bộ Tài chính: Thực hiện chức năng quản lý tài chính nhà nước đối với nguồn viện trợ nước ngoài thuộc nguồn thu của ngân sách trung ương (quy định tại điểm 1.1 mục I phần I Thông tư này) và có các nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

a) Hướng dẫn việc thực hiện các chế độ quản lý tài chính đối với nguồn viện trợ nước ngoài; chịu trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện các chế độ quản lý tài chính đối với các cơ quan trung ương và địa phương là cơ quan chủ quản các chương trình, dự án viện trợ nước ngoài cho Nhà nước hoặc Chính phủ nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b) Thực hiện xác nhận viện trợ và hạch toán ngân sách đối với các khoản viện trợ nước ngoài thuộc nguồn thu của ngân sách trung ương.

1.2 Sở Tài chính: Thực hiện chức năng quản lý tài chính nhà nước đối với nguồn viện trợ nước ngoài trực tiếp cho địa phương thuộc nguồn thu của ngân sách địa phương (quy định tại điểm 1.2 mục I phần I Thông tư này) và có các nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

a) Hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các chế độ quản lý tài chính đối với nguồn viện trợ nước ngoài trực tiếp cho địa phương.

b) Thực hiện xác nhận viện trợ và hạch toán ngân sách địa phương đối với các khoản viện trợ nước ngoài trực tiếp cho địa phương.

c) Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc hạch toán ngân sách đối với các khoản viện trợ nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương.

2. Trách nhiệm của Cơ quan chủ quản dự án và Chủ dự án/Đơn vị sử dụng viện trợ:

2.1 Cơ quan chủ quản dự án:

a) Phối hợp với cơ quan tài chính trong việc chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra các đơn vị trực thuộc trong việc thực hiện nghiêm chỉnh chế độ quản lý tài chính và sử dụng viện trợ nước ngoài.

b) Lập và tổng hợp dự toán thu chi về viện trợ, thẩm tra, phê duyệt và thông báo phê duyệt quyết toán viện trợ cho các đơn vị dự toán cấp dưới.